

Giảm rủi ro đáng kể đối với Dự Án Núi Pháo		
	Tình trạng trước khi mua lại	Tình trạng sau khi mua lại
Các Giấy Phép & Chấp Thuận	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giấy phép khai thác ban đầu được cấp vào năm 2005; và ▪ Tháng 8 năm 2009, tình trạng của giấy phép khai thác bị xem xét lại do không triển khai trong vài năm. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trước khi hoàn thành việc mua lại Dự Án Núi Pháo, Tập Đoàn Masan đã xin được giấy chứng nhận đầu tư mới cho Dự Án Núi Pháo; và ▪ Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 được BTNMT cấp lại để gia hạn ngày bắt đầu sản xuất của dự án.
Bồi thường & Tái định cư	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quá trình bồi thường và tái định cư đối mặt với nhiều sự chậm trễ dẫn đến gia tăng chi phí; ▪ Mặc dù đã chi trả 20 triệu USD, việc giải tỏa đất ít tiến triển; và ▪ Trước khi Masan tham gia, chỉ 2% diện tích đất đã được giải tỏa 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 99,9% đất cần cho các hoạt động khai khoáng và 85,6% vùng đệm đã được thu hồi; ▪ 99,2% kế hoạch bồi thường cho các gia đình bị ảnh hưởng được chấp thuận bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên cho 6 khu vực hoạt động của Dự án; và ▪ Các hoạt động khai thác nhận được hỗ trợ rất tích cực từ cộng đồng.
Thực hiện Dự Án	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Dự án đã bị đình trệ mặc dù gần 5 năm kể từ khi giấy phép khai thác ban đầu được cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngay lập tức tái khởi động dự án với việc chỉ định nhà thầu EPSA; ▪ Xây dựng đội ngũ và làm việc với các nhà thầu trong nước và quốc tế để xây dựng dự án; và ▪ Dự án được vận hành trong vòng 20 tháng.
Huy động vốn	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Không tiến triển và không có khả năng huy động tài chính dẫn đến đình trệ dự án; và ▪ Hoạt động trên một ngân sách eo hẹp, với nguồn tài trợ hàng tháng từ chủ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Việc xây dựng mỏ được tài trợ vốn đầy đủ mà không yêu cầu thêm về vốn; ▪ MSN đầu tư 105 triệu USD vốn chủ sở hữu của riêng mình và huy động khoảng 150 triệu USD vốn từ Mount Kellett Capital Management L.P. và các nhà đầu tư khác; ▪ Khoản tín dụng ngắn hạn từ một số ngân hàng trong nước và nước ngoài; ▪ 9.600 tỷ VND từ trái phiếu do Công Ty Núi Pháo và Masan Resources phát hành.

Masan Tungsten (Công Ty TNHH Vonfram Masan)

Masan Tungsten được thành lập năm 2014 là công ty liên doanh giữa H.C. Starck GmbH– một công ty sản xuất kim loại công nghệ hàng đầu thế giới, đồng thời cũng là một trong những công ty lớn nhất trong ngành vonfram toàn cầu và Công Ty Núi Pháo. Công ty liên doanh kết nối hoạt động kinh doanh của Công Ty Núi Pháo với thị trường vonfram toàn cầu và tinh luyện sản phẩm tinh

quặng vonfram của Công Ty Núi Pháo thành các sản phẩm vonfram có giá trị cao hơn nhằm phát huy giá trị nguồn tài nguyên Việt Nam. Giai đoạn thiết kế và xây dựng MTC được hoàn thành vào đầu năm 2015, MTC chính thức đi vào hoạt động vào Quý III năm 2015 theo Giấy phép Đầu tư số 171022000001 (cấp lần đầu vào 15/01/2014) Kể từ khi thành lập, MTC đã không ngừng nỗ lực tận dụng cơ sở vật chất sẵn có và đã đạt được 94% công suất thiết kế trong năm 2016 và tối đa công suất thiết kế vào năm 2017.

Ba sản phẩm chính của MTC được dùng trong sản xuất Vonfram và Vonfram Cacbua bao gồm: APT (Ammonium Paratungstate - muối Ammonium Paratungstate); BTO (Blue Tungsten Oxide – Oxit Vonfram xanh); và YTO (Yellow Tungsten Oxide – Oxit Vonfram vàng). MTC sản xuất các sản phẩm vonfram có độ tinh khiết cao và sức cạnh tranh trên toàn cầu đồng thời được vận hành tại Việt Nam. Điều này khiến MTC trở thành một số ít nhà cung cấp vonfram mới ngoài Trung Quốc trực tiếp sản xuất ra sản phẩm tại nguồn.

Các ưu thế của MTC:

- Nhà máy chế biến sâu nhằm chế biến tinh quặng vonfram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn;
- Nguồn cung ổn định từ Công Ty Núi Pháo, cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng;
- Chi phí chuyển đổi thấp, và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế;
- Uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C.Starck GmbH với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới.

Tháng 8 năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Stark GmbH tại MTC với giá trị 29,1 triệu USD để sở hữu 100% công ty này. Đây là bước tiến quan trọng để nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp vonfram tích hợp hàng đầu. Ngoài ra, việc MTC trở thành công ty con 100% của Công Ty Núi Pháo sẽ tạo ưu thế chủ động cho Công Ty Núi Pháo và MTC trong các chính sách bán hàng, chính sách giá và mở rộng việc bán hàng cho các đối tác khác. Tổ Chức Niêm Yết kỳ vọng đạt được 8,5 triệu USD lợi ích từ việc cải thiện hiệu quả vận hành, công suất và giá bán mỗi năm và gia tăng thị phần (ngoài Trung Quốc) lên hơn 50% tới năm 2022.

Tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH Vonfram Masan đã ký hợp đồng mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của H.C. Starck Group GmbH. Thông qua giao dịch này, MTC và Công Ty Núi Pháo mục tiêu trở thành nhà chế tạo vật liệu công nghiệp công nghệ cao dựa trên nền tảng chuỗi giá trị tích hợp xuyên suốt, với nguồn cung APT sơ cấp ổn định, năng lực tái chế của HCS. Công ty cũng kỳ vọng tạo ra dòng tiền ổn định qua các chu kỳ thị trường, đồng thời mở rộng quy mô thị trường đầu ra lên 3,5 lần.

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của MTC:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
Tổng giá trị tài sản	3.335.793	3.525.676
Vốn chủ sở hữu	1.300.597	1.107.045
Doanh thu thuần	4.179.405	2.915.647
Lợi nhuận gộp	642.605	(1.986)
Lợi nhuận trước thuế	510.459	(193.551)
Lợi nhuận sau thuế	510.459	(193.551)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và 2019 của MTC)

8.1.2 Quy Mô Dự Án Núi Pháo

Mô tả

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Trữ lượng quặng khai thác lộ thiên được cấp phép là khoảng 55 triệu tấn, với thời hạn giấy phép khai thác là 17,5 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên.
- Khu bãi thải.
- Nhà máy chế biến hiện đại và gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực.
- Nhà máy chế biến sâu (APT) nhằm chế biến tinh quặng vonfram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn.
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi.
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Các sản phẩm của Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới từ cảng Cái Lân, (Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, cách dự án 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ.

Trữ lượng

Mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài. “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh Giá Trữ

Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo là 110.260.000 tấn, trong đó trữ lượng Cấp 111 là 30.500.000 tấn, trữ lượng Cấp 122 là 52.720.000 tấn (hàm lượng WO_3 khả thi để khai thác tương đương 0,2% tính tại thời điểm năm 2003), và trữ lượng Cấp 333 là 27.040.000 tấn.

Với những kết quả trên, mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc.

8.1.3 Các Lợi Thế Cạnh Tranh Và Chiến Lược Dự Án Núi Pháo

Dự Án Núi Pháo là mỏ vonfram mới đầu tiên được phát triển khai thác và sản xuất thành công trong nhiều năm qua. Mỏ Núi Pháo là một trong những mỏ có trữ lượng vonfram tiềm năng đã được chứng minh cao nhất bên ngoài Trung Quốc. Trữ lượng flourit và bismut của Dự Án Núi Pháo cũng là cao nhất thế giới xét về mặt trữ lượng có trong từng dự án riêng lẻ cũng như trong ngành công nghiệp sản xuất flourit và bismut mang tính phân tán cao. Các sản phẩm chính của Dự Án Núi Pháo, gồm vonfram, flourit và bismut, là các kim loại chiến lược cần cho ngành công nghiệp nhôm thép, cũng như nhiều ứng dụng công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng khác trong thế giới hiện nay.

Công Ty Núi Pháo tin rằng, thành công tính đến ngày hôm nay và tiềm năng phát triển trong tương lai của nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo và Công Ty Núi Pháo là nhờ tổng hòa các lợi thế sau đây:

Công Ty Núi Pháo là một trong những nhà sản xuất vonfram, flourit và bismut hàng đầu thế giới bên ngoài Trung Quốc

Núi Pháo là một trong các mỏ vonfram với vốn đầu tư nâng cấp lớn nhất thế giới. Tinh quặng bismut và flourit cũng có ý nghĩa quan trọng trên toàn cầu.

Trên cơ sở dự toán về trữ lượng và tình hình thị trường hiện tại, Công Ty Núi Pháo tin rằng mỏ Núi Pháo sẽ tiếp tục là một trong những nguồn cung cấp hàng đầu thế giới về vonfram, flourit cấp axit và bismut ngoài Trung Quốc. Thêm nữa, MTC, công ty con của Công Ty Núi Pháo, nhà sản xuất hoá chất vonfram hàng đầu, sẽ đưa Dự Án Núi Pháo tới cơ hội tiếp cận trực tiếp tới thị trường gia tăng giá trị cũng như làm tăng sự đa dạng hoá sản phẩm của mình.

Những năm gần đây, Trung Quốc duy trì chính sách công sử dụng những kim loại và khoáng sản cho nhu cầu tiêu thụ nội địa đang tăng và hạn chế xuất khẩu. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến tăng giá khoảng 57% đối với vonfram và 24% đối với flourit, là hai sản phẩm tạo nguồn doanh thu lớn nhất của Công Ty Núi Pháo, kể từ ngày mua lại Dự Án Núi Pháo đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Công Ty Núi Pháo tin rằng vì Trung Quốc sẽ tiếp tục chính sách hạn chế xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước, nhu cầu đối với các kim loại và khoáng sản mà Dự Án Núi Pháo sản xuất sẽ tăng.

Mỏ Núi Pháo và các khu vực lân cận có trữ lượng quặng lớn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng trong tương lai

Mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng được phép khai thác lộ thiên là khoảng 55 triệu tấn. Về bản chất, mỏ Núi Pháo là một mỏ lộ thiên nơi có thể tìm thấy các vỉa khoáng sản hoặc đá có giá trị thương mại gần bề mặt, do đó chi phí khai thác thấp hơn so với chi phí khai thác mỏ dưới lòng đất. Thời hạn

giấy phép khai thác của Dự Án Núi Pháo là 17,5 năm. Hơn nữa, Công Ty Núi Pháo tin rằng khả năng mở rộng dự án thông qua việc mua lại các mỏ lân cận để khai thác và chế biến sẽ cho phép Công Ty Núi Pháo tăng sản lượng trong sự tăng trưởng bền vững và dài hạn, tùy thuộc vào khả năng chuyển đổi các mỏ được mua lại trong tương lai thành trữ lượng quặng có thể thu hồi một cách hợp pháp và có hiệu quả kinh tế.

Mạng lưới khách hàng ổn định toàn cầu

Công Ty Núi Pháo tin rằng Công Ty Núi Pháo đã phát triển mạng lưới khách hàng lớn ổn định trên phạm vi toàn cầu. Công Ty Núi Pháo bán phần lớn các sản phẩm của mình cho các khách hàng theo các hợp đồng bao tiêu dài hạn. Sản phẩm flourit được bán cho các khách hàng tiêu thụ lượng flourit cấp axit lớn nhất thế giới thông qua Traxys Comets theo một hợp đồng có thời hạn 6 năm được tự động gia hạn đến năm 2027. Sản phẩm bismut được bán cho 5NP theo hợp đồng bao tiêu có thời hạn 5 năm được tự động gia hạn thêm các thời hạn 5 năm. Giá theo các hợp đồng này thông thường được tính theo công thức xác định trong ít nhất 12 tháng có tham chiếu đến mức giá tham chiếu trên thị trường quốc tế của sản phẩm có liên quan. Công Ty Núi Pháo tin rằng nền tảng khách hàng ổn định của mình và các hợp đồng dài hạn đã chứng minh mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, chất lượng sản phẩm và trình độ cung ứng dịch vụ mà Công Ty Núi Pháo đã có thể đạt được.

Nhà sản xuất vonfram, flourit và bismut với chi phí thấp với tiềm năng cải thiện và nâng cao hiệu quả

Công Ty Núi Pháo tin rằng Công Ty Núi Pháo là nhà sản xuất vonfram, flourit và bismut với chi phí thấp so với các đối thủ cạnh tranh của mình nhờ điều kiện địa chất thuận lợi trong vỉa khoáng sản của mỏ Núi Pháo. Mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nên dẫn đến chi phí khai thác thấp hơn và hệ số bóc đất đá tương đối thấp so với khai thác mỏ dưới lòng đất. Công Ty Núi Pháo tin rằng chi phí sản xuất của mình thấp hơn các đối thủ cạnh tranh chính bên ngoài Trung Quốc, cụ thể là các nhà sản xuất tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Úc, do các dự án khai thác mỏ dưới lòng đất của nhà sản xuất này đòi hỏi chi phí sản xuất cao, chẳng hạn như quy trình khai thác phức tạp, chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí nhân công cao hơn.

Công Ty Núi Pháo đã tập trung đặc biệt vào thiết kế và xây dựng Dự Án Núi Pháo để đảm bảo rằng thiết kế và xây dựng được tiến hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy Núi Pháo được xây dựng có tuổi thọ và khối lượng chế biến tương xứng với thời hạn của Dự Án Núi Pháo và sức tăng trưởng và khả năng sản xuất dự kiến. Hơn nữa, Công Ty Núi Pháo tin rằng sự kết hợp các nhà máy chế biến của mình, cụ thể là nhà máy chế biến hiện tại, nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy tinh luyện APT công nghệ cao của MTC, sẽ tăng hiệu quả của các nhà máy này và vì vậy mang lại chi phí sản xuất thấp hơn.

Đội ngũ quản lý và điều hành giàu kiến thức và kinh nghiệm đã được kiểm chứng

Nhiều nhân sự quản lý và điều hành cấp cao của nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài nguyên và khai thác khoáng sản tại các dự án quốc tế và tại Việt Nam. Công Ty Núi Pháo tin rằng bí quyết trong quy trình kỹ thuật, trình độ kinh nghiệm và chuyên môn cao của đội ngũ quản lý và điều hành đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển và quản lý Dự Án Núi Pháo phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất, và sẽ tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của Công Ty Núi Pháo.

Cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải

Các cảng của Hải Phòng và Quảng Ninh cách khu vực Dự Án Núi Pháo khoảng 200 km. Cả hai cảng đều thích hợp và có thể sử dụng để vận chuyển các thiết bị chính yếu cần cho việc xây dựng dự án và nguyên liệu cho nhà máy (chủ yếu là thuốc thử và bi nghiền quặng) vào Việt Nam, mà sau đó được vận chuyển đến khu vực dự án bằng đường bộ. Cảng Cái Lân hiện đang được sử dụng để xuất khẩu flourit, mặc dù các cảng thay thế như cảng Cửa Lò và cảng Nghi Sơn có thể được sử dụng tùy thuộc vào hiệu quả kinh tế của tuyến đường vận chuyển và mức nước của tàu thay thế. Các sản phẩm vonfram và bismut sẽ được bao gói và đóng thùng và có thể được chuyển đi từ bất kỳ cảng nào. Việc vận chuyển tất cả các sản phẩm giữa khu vực khai thác mỏ và mỗi cảng sẽ bằng đường bộ hoặc kết hợp giữa đường bộ và đường sắt.

Công Ty Núi Pháo đang theo dõi tiến độ các dự án phát triển hạ tầng khác nhau mà các dự án này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng vận chuyển và giảm chi phí. Các dự án này bao gồm việc nâng cấp để tăng giới hạn trọng tải tại các cảng trên bờ biển phía Bắc được nêu trong Kế Hoạch Phát Triển Tổng Thể Cảng Việt Nam đến năm 2020.

Kiến thức và hiểu biết mang tính địa phương để tạo điều kiện thực hiện dự án

Công Ty Núi Pháo tin rằng sự hiểu biết mang tính địa phương đối với các mối quan tâm của cộng đồng và các vấn đề nhạy cảm của địa phương có ý nghĩa thiết yếu trong việc phát triển thành công các dự án. Bằng cách chủ động làm việc với cộng đồng địa phương, Công Ty Núi Pháo đã có thể tạo ra một môi trường hoạt động kinh doanh thuận lợi để phát triển và vận hành mỏ Núi Pháo và có được nguồn vốn lớn từ các nhà đầu tư, cho phép thực hiện các hoạt động trên công trường nhanh chóng và hiệu quả.

Tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền để mua và phát triển các tài sản giá trị

Công Ty Núi Pháo dự định tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền của mình để mua và phát triển các tài sản có tiềm năng cao. Công Ty Núi Pháo tin rằng việc bổ sung thêm vốn được yêu cầu không chỉ để hoàn thành việc phát triển các tài sản sẵn có được mua lại như Dự Án Núi Pháo, mà còn để mở rộng các hoạt động, giúp tối ưu hóa năng lực sản xuất về lâu dài.

Các dự án giảm thiểu rủi ro thông qua nền tảng của Masan Group

Công Ty Núi Pháo giảm thiểu các rủi ro từ nền kinh tế vĩ mô bằng cách thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro một cách tự nhiên để phòng ngừa biến động giá hàng hóa đối với lượng kim loại và khoáng sản đa dạng của Dự Án Núi Pháo. Rủi ro tài chính của Công Ty Núi Pháo thấp nhờ khả năng tiếp cận dòng vốn và mạng lưới nhà đầu tư ổn định của Masan Group, trong khi đó các rủi ro trong hoạt động của Công Ty Núi Pháo được giảm thiểu nhờ khả năng tiếp cận các đối tác thương mại, các khách hàng và chuyên gia quản lý chuyên nghiệp của Masan Group.

Thành tựu mang tính đột phá trong hoạt động kinh doanh

Sau khi tiếp quản Dự Án Núi Pháo vào tháng 9 năm 2010, Masan Group đã tập trung vào các hoạt động cần thiết để hoàn tất các yêu cầu pháp lý, bảo đảm nguồn vốn và thúc đẩy phát triển của Dự Án Núi Pháo. Do đó, trong vòng ba năm, Masan Group đã biến đổi Dự Án Núi Pháo từ một dự án bị đình trệ do không triển khai dưới sự quản lý của chủ sở hữu trước đó trở thành dự án hoạt động quy mô lớn bắt đầu sản xuất thương mại vào năm 2013. Masan Group tin rằng các thành tựu của mình đối với Dự Án Núi Pháo đã chứng minh các công ty trong Masan Group, nhân sự quản lý và

điều hành của Masan Resources có khả năng triển khai hiệu quả các dự án tài nguyên mới khi xuất hiện các cơ hội mới để sáp nhập hoặc mua lại.

Cơ cấu vốn vững mạnh

Kể từ khi khởi động Dự Án Núi Pháo, Công Ty Núi Pháo đã chủ động đảm bảo tài chính, quản lý các chi phí và tiến độ dự án trong suốt quá trình giải tỏa mặt bằng và tái định cư, quá trình xây dựng và phát triển dự án. Việc quản lý tài chính cẩn trọng của Công Ty Núi Pháo và dòng tiền ổn định từ việc bán các sản phẩm theo các hợp đồng bao tiêu từ khi dự án bắt đầu hoạt động thương mại đã cho phép Công Ty Núi Pháo duy trì một cơ cấu vốn vững mạnh đáp ứng đủ vốn lưu động.

Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Là một phần kế hoạch tận dụng tất cả các tài sản của mình, nhóm các công ty thực hiện Dự Án Núi Pháo không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân để tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có của mình để tối đa hóa năng suất và hiệu quả trong khi thiết lập cho giai đoạn tiếp theo của hoạt động kinh doanh. Bằng cách tận dụng các nguồn lực và cơ sở hạ tầng hiện có của mình, Công Ty Núi Pháo mong muốn sản xuất với chi phí thấp hơn.

Nhóm các công ty thực hiện Dự Án Núi Pháo đang tìm cách xác định và hướng đến việc mua lại các nền tảng và cơ hội kinh doanh thuộc Loại 1 (có giá trị cao, vị trí chiến lược, dài hạn, và chi phí sản xuất thấp) trong giai đoạn suy thoái giá mang tính chu kỳ. Công Ty Núi Pháo cũng đang xem xét nâng cao chất lượng danh mục đầu tư của mình và hướng đến các đối tác kém thu hút đầu tư trong ngành công nghiệp và loại trừ các tài sản không cốt lõi nhất định từ các đối tác hợp nhất lớn hơn, để giúp đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao của thế giới đối với kim loại và khoáng chất chiến lược. Lợi thế cạnh tranh mũi nhọn của Công Ty Núi Pháo khi thực hiện các hoạt động trong tương lai này chính là các vị thế chiến lược hiện tại của Công Ty Núi Pháo cả ở Việt Nam và trong ngành công nghiệp khai khoáng.

Tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí và tăng năng suất

Khai khoáng là một ngành công nghiệp cần thời gian lâu dài. Việc Công Ty Núi Pháo dành tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí kết hợp với mong muốn tăng năng suất sẽ đảm bảo dòng tiền mạnh phát sinh từ các dự án hiện tại của mình, tăng cường khả năng trong việc đưa ra các quyết định đầu tư dài hạn và cho phép Công Ty Núi Pháo đương đầu với biến động thị trường và biến động giá. Trong môi trường bất ổn, điều này sẽ bảo vệ một cách đáng kể vị thế dẫn đầu của Công Ty Núi Pháo.

Vị trí tiên phong

Công Ty Núi Pháo, với tư cách là nhóm doanh nghiệp chiến lược quan trọng tại Việt Nam và trong ngành công nghiệp vonfram, sẽ tiếp tục tận dụng quy mô của mình như một lợi thế cạnh tranh. Điều này sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển hơn, và thu lại các lợi ích về chi phí và sản xuất có được từ lợi thế kinh tế về quy mô. Với vị thế hàng đầu của mình trong hoạt động khai thác và chế biến vonfram, Công Ty Núi Pháo cũng có sứ mệnh làm cầu nối để đưa các thế mạnh và khả năng của Việt Nam ra thị trường toàn cầu. Công Ty Núi Pháo đang tham gia tích cực vào các diễn đàn công nghiệp vonfram toàn cầu và tự tin đăng cai Hội Nghị Hiệp Hội Công Nghiệp Vonfram Quốc Tế (ITIA) năm 2015.

Khả năng tận dụng sự hỗ trợ tối đa, điều kiện tài chính và vị thế trên thị trường của Masan

Group

Công Ty Núi Pháo là công ty con thuộc Masan Group, là một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với định hướng hoạt động tập trung vào ngành hàng tiêu dùng, tài nguyên, khoáng sản, thức ăn chăn nuôi và ngân hàng. Nguồn vốn từ Masan Group là phương tiện để thực hiện Dự Án Núi Pháo. Sự phát triển của Dự Án Núi Pháo, cũng như kế hoạch kinh doanh và các chiến lược tăng trưởng trong tương lai của Công Ty Núi Pháo, là phù hợp với tầm nhìn của Masan Group trong việc hình thành các công ty dẫn đầu thị trường và phát triển quy mô thông qua tập trung và hợp nhất. Công Ty Núi Pháo tin rằng Công Ty Núi Pháo sẽ có thể tận dụng chuyên môn, nguồn vốn và mối quan hệ của Masan Group khi Công Ty Núi Pháo tìm kiếm các cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh của mình trong các dự án tài nguyên mới.

8.2 Triển Vọng Phát Triển Của Ngành

8.2.1. Tiềm Năng Khoáng Sản Của Việt Nam

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú và đa dạng về chủng loại gồm các nhóm khoáng sản nhiên liệu (dầu khí, than); nhóm khoáng sản sắt và hợp kim sắt (sắt, cromit, titan, mangan); nhóm khoáng sản kim loại màu (bôxít, thiếc, đồng, chì-kẽm, antimon, molipden); nhóm khoáng sản quý (vàng, đá quý); nhóm khoáng sản hoá chất công nghiệp (apatit, cao lanh, cát thủy tinh); nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng (đá vôi xi măng, đá xây dựng, đá ốp lát).

Công nghiệp khai khoáng Việt Nam bắt đầu hình thành từ cuối thế kỷ 19 do Pháp khởi xướng, từ năm 1955, Việt Nam đã tiếp quản, duy trì và phát triển các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản. Đến nay, đã tiến hành điều tra cơ bản, thăm dò và phát hiện mới trên 5.000 điểm khoáng và mỏ. Đã đánh giá được một số loại khoáng sản có giá trị công nghiệp và trữ lượng dự báo lớn như: dầu-khí (1,2 tỷ-1,7 tỷ m³); than (240 tỷ tấn), sắt (2 tỷ tấn), đồng (1 triệu tấn kim loại), titan (600 triệu tấn khoáng vật nặng), bôxít (10 tỷ tấn), chì-kẽm, thiếc, apatit (2 tỷ tấn), đất hiếm (11 triệu tấn) các khoáng sản làm vật liệu xây dựng (52 tỷ m³) và một số loại khoáng sản khác. Nhiều loại khoáng sản đã được khai thác phục vụ cho nhu cầu trong nước và một phần cho xuất khẩu. (Nguồn: BCT)

Trong các loại khoáng sản trên, trừ khoáng sản dầu khí, than, sắt, titan apatit v.v. đã được thăm dò tương đối cơ bản và chắc chắn, các khoáng sản kim loại còn lại gồm kim loại màu, khoáng sản quý... thăm dò mới ở mức độ điều tra cơ bản (tìm kiếm); trước khi đầu tư khai thác, các doanh nghiệp đều phải tiến hành thăm dò tỉ mỉ, bổ sung để hạn chế rủi ro.

8.2.2. Triển Vọng Tăng Trưởng Cho Ngành Sản Xuất Vonfram Toàn Cầu

Theo một báo cáo gần đây của Roskill và các số liệu do Công Ty Núi Pháo thu thập, nhu cầu vonfram toàn cầu đã tăng từ khoảng 46.500 tấn trong năm 2000 lên hơn 93.310 tấn trong năm 2018, với tốc độ tăng trưởng kép tương ứng 4,3%/năm cho giai đoạn 2000 – 2018, cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của thế giới năm 2018.

Tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới cho thấy một mối tương quan so sánh từng năm tương đối tốt so với sự tăng trưởng nhu cầu vonfram, đặc biệt là ở các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Trung Quốc là nhà cung cấp và sản xuất vonfram lớn nhất, và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu vonfram tăng 9,29% trong năm 2018. Ngân Hàng Thế Giới cũng đã dự báo GDP năm 2019 tăng trưởng khòe khoắn ở mức 2,9% dựa trên mối tương quan mạnh mẽ giữa tăng trưởng kinh tế và nhu cầu vonfram toàn cầu. Sự phát triển của các ngành công nghiệp như dầu khí, công cụ cắt

kim loại cứng, hàng không và vũ trụ đang góp phần đẩy mạnh nhu cầu vonfram.

Năm 2018, chính phủ Trung Quốc cũng đã công bố và tiến hành thanh tra việc vận hành của một số ngành công nghiệp, dẫn đến sản xuất bị thu hẹp và chi phí sản xuất gia tăng. Các tác hại môi trường tại Trung Quốc vẫn đang ảnh hưởng lên nguồn cung tại nước này. Việc thanh tra, giám sát nghiêm ngặt và các tiêu chuẩn về khí thải được áp dụng đã dẫn đến việc đóng cửa các nhà máy gây ô nhiễm ở 28 thành phố tại nhiều tỉnh của Trung Quốc. Nhiều nhà máy chế biến kim loại và hóa chất tại Trung Quốc không đạt các tiêu chuẩn về khí thải đã buộc phải nâng cấp tiêu chuẩn quản lý, một hoạt động mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí, hoặc phải buộc phải đóng cửa. Việc sản xuất bị thu hẹp tại quốc gia cung cấp khoảng 80% sản lượng vonfram toàn cầu đang dẫn đến việc bình quân giá muối vonfram APT ở thị trường châu Âu cận dưới tăng 29% trong năm 2018 so với năm 2017, và có đủ lực đẩy nhờ cung vonfram giảm do chất lượng quặng giảm, việc thắt chặt chính sách môi trường, và sự đóng cửa một mỏ vonfram ở Anh gần đây. Mặc dù trong 9 tháng năm 2019, giá vonfram diễn biến giảm do ảnh hưởng của căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc cũng như áp lực cung trong ngắn hạn tăng mạnh do sản giao dịch Fanya đầu giá hơn 28 nghìn tấn sản phẩm APT (chiếm 25-30% sản lượng toàn thế giới hàng năm), giá vonfram đã phục hồi trở lại từ đầu quý IV năm 2019 và Công ty Núi Pháo tin rằng tăng trưởng giá vonfram trong thời gian gần đây đã phản ánh các thay đổi về cung cầu theo xu hướng bền vững.

Nguồn cung Vonfram thứ cấp giảm trong năm 2017 và đã phục hồi năm 2018 vượt mức tại 2016. Tiêu thụ Vonfram thứ cấp được ước tính là cao nhất ở Trung Quốc, chiếm 34% tổng tiêu thụ vonfram thứ cấp toàn cầu, kế tiếp tại Châu Âu 31% và Mỹ 17%.

8.3 So Sánh Về Tình Hình Tài Chính Và Hoạt Động Kinh Doanh Của Các Doanh Nghiệp Cùng Ngành

Hiện không có một doanh nghiệp nào khác tại Việt Nam khai thác, chế biến và sản xuất vonfram, bismut, flourit và đồng với quy mô lớn như nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo để tiến hành so sánh.

8.4 Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Công Ty Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước, Và Xu Thế Chung Trên Thế Giới

8.4.1. Chính Sách Phát Triển Công Nghiệp Khai Khoáng

Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 với các nội dung chủ yếu sau:

Quan điểm chỉ đạo

- Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, thuộc tài sản quan trọng của quốc gia phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt, lâu dài và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường;
- Điều tra, đánh giá khoáng sản phải đi trước một bước, làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản để lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và dự trữ quốc gia;

- Thăm dò, khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, sử dụng phù hợp với tiềm năng của từng loại khoáng sản và nhu cầu của các ngành kinh tế;
- Chế biến khoáng sản phải sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao; chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sử dụng trong nước, chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị kinh tế cao đối với khoáng sản quy mô lớn;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tiếp thu khoa học hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến trong điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

Chiến lược

Ưu tiên đầu tư cho điều tra cơ bản về địa chất về khoáng sản cả phần đất liền và biển, hải đảo để làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản. Thăm dò, khai thác khoáng sản gắn với chế biến và sử dụng hiệu quả. Cân đối giữa khai thác với dự trữ khoáng sản; phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Mục tiêu

- Hoàn thành công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 trên diện tích lãnh thổ; hoàn thành công tác điều tra địa chất, khoáng sản biển tỷ lệ 1/500.000; đánh giá làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản phục vụ khai thác và dự trữ quốc gia;
- Thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đến năm 2050 đối với các khoáng sản: Than, urani, titan - zircon, đất hiếm, apatit, sắt, chì - kẽm, đồng, thiếc, mangan, cromit, bauxit, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác;
- Khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao; đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường; hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản;
- Chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản quy mô lớn. Các khoáng sản còn lại khai thác chế biến theo nhu cầu trong nước tăng cường dự trữ khoáng sản quốc gia làm cơ sở phát triển bền vững kinh tế - xã hội;
- Khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài, ưu tiên các khoáng sản ở Việt Nam có nhu cầu sử dụng.

Các chính sách

- Chính sách bảo vệ, sử dụng và dự trữ tài nguyên khoáng sản
 - Sử dụng tài nguyên khoáng sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;
 - Cân đối để bảo đảm dự trữ tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển các ngành kinh tế trước mắt và lâu dài; và

- Ưu tiên khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phục vụ sản xuất trong nước; việc xuất, nhập khẩu khoáng sản theo nguyên tắc cân đối, đảm bảo nhu cầu sản xuất trong nước; chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị kinh tế cao đối với khoáng sản có quy mô lớn.
- Chính sách khoa học và công nghệ
 - Khuyến khích hợp tác chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; và
 - Tăng cường năng lực, đổi mới thiết bị, công nghệ; có chính sách phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong quản lý, điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Chính sách đầu tư
 - Ưu tiên đầu tư nhằm đẩy nhanh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
 - Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; và
 - Khuyến khích đầu tư công nghệ khai thác, chế biến sâu và thân thiện với môi trường.

8.4.2. Đánh Giá Sự Phù Hợp Chiến Lược Phát Triển Của Dự Án Núi Pháo Trong Bối Cảnh Định Hướng Của Ngành Công Nghiệp, Chính Sách Công Và Các Xu Hướng Toàn Cầu

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm gần đây khá ổn định và có dấu hiệu tăng trưởng tích cực. Một nền kinh tế phát triển lành mạnh là điều kiện tất yếu cho các ngành nghề phát triển cùng nhịp, trong đó có ngành công nghiệp khai khoáng. Nắm bắt được rõ tình hình thị trường khai thác và chế biến khoáng sản toàn cầu, chính sách của Nhà nước, xu hướng giá và nhu cầu tiêu thụ, ban lãnh đạo Công Ty Núi Pháo đã và đang tập trung phát triển Dự Án Núi Pháo trên cơ sở bền vững, với mục tiêu giữ vững vị thế hàng đầu của Công Ty, gia tăng lợi nhuận đồng thời tối ưu hóa chi phí sản xuất. Ban lãnh đạo Công Ty Núi Pháo cũng nhận định rằng các mục tiêu phát triển của Công Ty là chế biến sâu, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, phục vụ cả nhu cầu trong nước lẫn xuất khẩu đều phù hợp với các triển vọng của ngành khoáng sản, phù hợp với chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

9. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

9.1. Số Lượng Người Lao Động Trong Dự Án Núi Pháo

Công Ty Núi Pháo sử dụng 1.168 lao động tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 cho Dự Án Núi Pháo.

Bảng dưới đây thể hiện tổng số lao động (không bao gồm lao động công nhật) và thu nhập bình quân tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2020:

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	31/3/2020
Tổng số nhân viên, trong đó	1.095	1.027	1.072	1.150	1.157	1.168
- Nhân sự người Việt Nam	973	928	976	1.052	1.063	1.078
- Nhân sự người nước ngoài	122	99	96	98	94	90
Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	10,2	10,7	11,2	11,4	11,8	12,3

Cơ cấu lực lượng lao động

Dưới đây là phân tích thành phần lực lượng lao động theo độ tuổi và trình độ học vấn:

Theo trình độ học vấn		Theo độ tuổi	
Phổ thông cơ sở:	14.6%	Từ 18 đến 30:	27.7%
Trung học phổ thông:	11.4%	Từ 31 đến 40:	49.0%
Dạy nghề:	26.4%	Từ 41 đến 50:	18.5%
Cao đẳng	7.5%	Từ 51 đến 60	4.5%
Đại học:	38.2%	Trên 60:	0.3%
Sau đại học:	2.0%		

9.2. Chính Sách Đào Tạo, Lương, Thưởng, Phụ Cấp/Phúc Lợi**9.2.1. Giờ Làm Việc, Giờ Nghỉ Ngơi, Ca Làm Việc**

Điều kiện làm việc	Ngày làm việc : ngày nghỉ	Số giờ làm việc tiêu chuẩn mỗi ngày	Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn theo tuần
Thông thường	6:1	8	48
Đặc biệt nặng nhọc và độc hại	6:1	6	36

Tuy nhiên, để đảm bảo kế hoạch sản xuất liên tục 24 giờ mỗi ngày, 365 ngày mỗi năm, Công Ty Núi Pháo làm việc với công đoàn và sắp xếp cho người lao động của mình làm việc theo ca và có các ngày nghỉ bù trên cơ sở đảm bảo rằng tổng số giờ làm việc trong một ngày hoặc một tuần sẽ không vượt quá mức sau:

Số	Tổng số giờ	Điều kiện làm việc		
		Bình thường	Nặng nhọc và độc hại	Đặc biệt nặng nhọc và độc hại
1.	Tăng ca cho một ngày	≤ 4 giờ	≤ 4 giờ	≤ 3 giờ
2.	Tăng ca cho một tuần	≤ 16 giờ	≤ 16 giờ	≤ 12 giờ
3.	Tăng ca cho 4 ngày liên tục	≤ 14 giờ	≤ 14 giờ	≤ 10 giờ

Nghỉ hàng năm, phúc lợi/trợ cấp

Số năm làm việc	Ngày nghỉ phép hàng năm theo điều kiện làm việc (ngày)		
	Bình thường	Nặng nhọc và độc hại	Đặc biệt nặng nhọc và độc hại
1-5	12	14	16
6-10	13	15	17
11-15	14	16	18
16-20	15	17	19
20-25	16	18	20
25-30	17	19	21

Trong trường hợp làm việc dưới 12 tháng, ngày nghỉ sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.

Công thức sau đây được sử dụng để tính ngày nghỉ được hưởng hàng tháng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tổng ngày nghỉ phép hằng} \\ \text{năm} \end{array} \right) \times \text{Số tháng làm việc} = \text{Ngày nghỉ hằng năm được hưởng}$$

9.2.2. Các Biện Pháp Đảm Bảo Vệ Sinh Và An Toàn Lao Động

Y tế

Các mục tiêu

Các mục tiêu y tế của Công Ty Núi Pháo là để đảm bảo các công nhân của mình không gặp các rủi ro nghề nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ, và Công Ty Núi Pháo có đội ngũ nhân viên y tế có năng lực và được trang bị tốt để sẵn sàng hỗ trợ sức khỏe và thể lực của các công nhân của mình và rộng hơn là cộng đồng (kể cả các trường hợp khẩn cấp).

Thực hiện

Năm 2019, Công Ty đã đạt được những thành tích sau về lĩnh vực y tế:

- Chữa trị cho 7.291 bệnh nhân tại phòng khám của Công Ty (so với 5.560 trường hợp trong năm 2018) do các bệnh tai, mũi và họng (chủ yếu), nhiễm trùng da, các vấn đề tiêu hóa, vấn đề xương cơ bắp và một loạt các bệnh khác. Ngoài ra, đội ngũ y tế của Công Ty Núi Pháo đã hỗ trợ chăm sóc khẩn cấp và xử lý những trường hợp liên quan đến tai nạn ở khu vực xung quanh dự án với tổng cộng 200 trường hợp bị bệnh nặng và chấn thương.
- Thực hiện đào tạo sơ cấp cứu cho 135 nhân viên kể cả nhà thầu theo quy định thông tư 19/2016/TT-BYT.
- Thực hiện đào tạo bảo vệ thính lực cho 890 người lao động, đào tạo bảo vệ hô hấp cho 203 người lao động, đào tạo quản lý mệt mỏi, nâng cao nhận thức về sử dụng thức uống có cồn, nâng cao nhận thức về tác hại của thuốc gây nghiện cho 898 người lao động bao gồm cả nhân viên công ty và nhà thầu.
- Thực hiện việc theo dõi môi trường làm việc hàng quý trong các khu vực tiềm ẩn rủi ro cao. Các đợt theo dõi để kiểm tra các rủi ro tiềm ẩn về sức khỏe liên quan đến tiếng ồn, bụi, tư thế làm việc và/hoặc ô nhiễm không khí và nếu kết quả là có rủi ro cao, công tác khắc phục sẽ được thực hiện.
- Thực hiện kiểm tra các khu vực chuẩn bị và tiêu thụ thực phẩm để đưa ra các khuyến nghị để cải thiện vệ sinh và hoạt động chế biến, bảo quản và chuẩn bị thực phẩm, tránh bất kỳ việc ngộ độc thực phẩm hoặc bùng phát dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.
- Tiêm vắc xin cho những người lao động có nguy cơ cao bị nhiễm khuẩn và bệnh truyền nhiễm như viêm gan A và B, thương hàn, uốn ván, viêm màng não và cúm.
- Nhân viên y tế luôn được cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn: Một nhân viên y tế được tham gia khóa đào tạo chuyên sâu về hỗ trợ sơ sục sống cơ bản, hỗ trợ sơ sục sống nâng cao và hỗ trợ chấn thương quốc tế tại Singapore, sáu nhân viên y tế được tham gia khóa đào tạo liên tục nâng cao tay nghề tại Bệnh viện A Thái Nguyên, bốn nhân viên y tế được tham gia khóa đào tạo về an toàn tiêm chủng tại Viện Kiểm định Quốc gia Vacxin và Sinh phẩm Y tế Hà Nội, một nhân viên y tế tham gia khóa đào tạo chuyên sâu về bệnh lý tai mũi họng tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương – Hà Nội, một nhân viên tham gia khóa học chuyên sâu về y tế

lao động tại trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội, một nhân viên y tế tham gia hội nghị đa quốc gia về bệnh nghề nghiệp tổ chức tại Hà Nội.

An toàn lao động

Mục Tiêu

Bộ phận an toàn lao động tập trung vào việc xây dựng văn hóa an toàn lao động và vệ sinh lao động lành mạnh với các đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao kỹ năng nhận thức và áp dụng các yêu cầu an toàn lao động, vệ sinh lao động. Mục tiêu hàng đầu của Công Ty Núi Pháo là đảm bảo toàn bộ người lao động về nhà an toàn sau mỗi ca làm việc, và Công Ty Núi Pháo mong muốn điều tương tự từ các nhà thầu của mình.

Thực hiện

Với mục tiêu đảm bảo toàn bộ người lao động về nhà an toàn sau mỗi ca làm việc, chúng tôi đã đảm bảo không có thương tích trong lao động trong năm 2019, chỉ có 5 trường hợp thương tích nhẹ và đã được khắc phục. Đây là mốc quan trọng trong việc đặt nền móng để đạt tới mục tiêu an toàn lao động tuyệt đối không có thương tích.

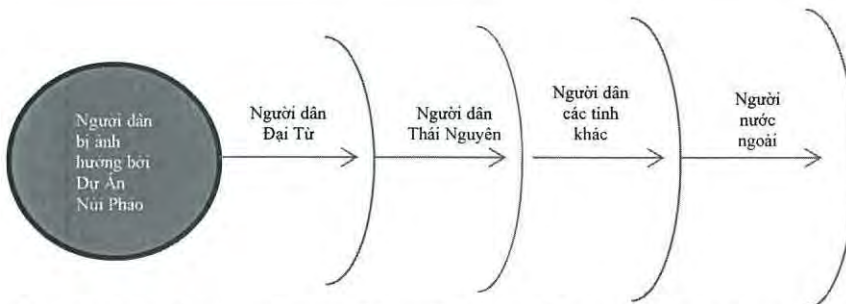
Các điểm nhấn khác về thực hiện mục tiêu an toàn lao động trong năm 2019 gồm có:

- Nhóm Ứng cứu Khẩn cấp (ERT) hoàn thành 12 cuộc diễn tập nội bộ và 02 cuộc diễn tập phối hợp với cơ quan ban ngành về phòng cháy chữa cháy và cứu hỏa cứu nạn khẩn cấp. Đồng thời ERT đã tham gia ứng phó sự cố hỗ trợ cộng đồng dân cư xung quanh 04 lần.
- Phát hành 24 thông cáo an toàn lao động (dạng bản tin) được đặt xung quanh khu vực nhà máy và các thông cáo này cung cấp thông tin chi tiết về các sự cố hoặc tình huống cận sự cố, để các công nhân có thể rút kinh nghiệm từ các sự kiện này.
- Tăng cường thiết kế các chương trình đào tạo cho các công việc liên quan đến an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, an toàn chuyên biệt,... Tổng số chương trình đã thiết lập và hoàn tất gồm 25 chuyên đề.
- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng bằng khen cho tập thể Công Ty Núi Pháo và cá nhân ông Nguyễn Văn Hậu – Giám sát trưởng bộ phận An toàn – Sức khỏe – An ninh với thành tựu “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy tỉnh Thái Nguyên năm 2019.
- Trong năm 2019, Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên cũng đã đề xuất Bộ Công Thương tặng bằng khen thưởng về thành tích tốt trong việc thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho tập thể Công Ty Núi Pháo và cá nhân ông Nguyễn Văn Hậu – Giám sát trưởng bộ phận An toàn – Sức khỏe – An ninh.

9.2.3. Chính Sách Tuyển Dụng Và Tập Huấn

Chính sách tuyển dụng

Với mục đích tuyển dụng những lao động có chất lượng cho mỗi vị trí, tiết kiệm chi phí nhân công và trách nhiệm xã hội của Công Ty Núi Pháo tại địa phương, chính sách tuyển dụng được lập dựa vào tỷ lệ khan hiếm của thị trường lao động được thể hiện theo đồ thị dưới đây:



Trọng tâm và cam kết của Công Ty là tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động tại địa phương nơi thực hiện Dự án. Chính điều đó đảm bảo Công Ty có những nhân sự phù hợp với các kỹ năng tương ứng, đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương được hưởng lợi từ Dự án.

Rất nhiều vị trí quan trọng được tuyển dụng trong năm 2019 như: Giám đốc điều hành, Giám đốc Bán hàng và Tiếp thị toàn cầu, Quản lý Ứng dụng & SAP, Quản lý vận hành và Hạ tầng công nghệ thông tin. Công Ty tin rằng sự tôn trọng nhân viên là một trong những bí quyết thành công trong Nhân sự, vì vậy đầu tư vào việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

Chính sách đào tạo

Với mục đích đảm bảo nguồn lao động sẵn có đáp ứng các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của mình, Công Ty Núi Pháo đánh giá cao tầm quan trọng của việc đào tạo và phát triển người lao động, đặc biệt là người lao động Việt Nam. Do vậy, công tác đào tạo được thực hiện theo hai hình thức đào tạo nội bộ, và đào tạo dựa trên các khóa đào tạo chuyên môn.

Năm 2019 các khóa đào tạo an toàn cũng được tập trung nhằm đáp ứng gần hơn với hệ thống quản lý Sức khỏe – An toàn – Môi trường (HSE) quốc tế với mục tiêu đảm bảo môi trường làm việc an toàn và hiệu quả. Song song với các hoạt động trên, việc đào tạo nghề cho người lao động đã được cải thiện đáng kể. Các chương trình đào tạo cũng được tổ chức đa dạng, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc và đào tạo kỹ năng mềm, các khóa đào tạo năng lực, đặc biệt là những chương trình cho các lãnh đạo trẻ tiềm năng – đây vừa là cơ hội vừa là thách thức giúp nhân viên khám phá những khả năng tiềm năng của bản thân để tỏa sáng. Với 11.949 số giờ được dành cho đào tạo và 19.752 lượt nhân viên tham gia ở cả hai loại hình đào tạo nội bộ và bên ngoài năm 2019, đây là con số ấn tượng trong những năm qua thể hiện sự đồng nhất trong chính sách Đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự có tay nghề và chuyên môn cao.

9.2.4. Lương, Thưởng, Phúc Lợi Cho Người Lao Động

Chế độ lương thưởng

- Lương: Người lao động của Công Ty Núi Pháo được trả lương theo giờ làm việc. Để bảo đảm sự công bằng trong nội bộ và khuyến khích lao động, lương thưởng được áp dụng theo phương thức 3P:
 - Trả lương theo **Vị Trí (Position)**: Mỗi vị trí được xác định giá trị đóng góp trong công việc, tương ứng với mỗi vị trí sẽ là một mức lương cụ thể;
 - Trả lương theo **Năng Lực Cá Nhân (Person)**: tương ứng với mỗi kỹ năng cá nhân sẽ là mức lương tương ứng áp dụng cho các cá nhân cụ thể; và
 - Trả lương theo **Kết Quả Công Việc (Performance)**: kết quả công việc của nhân viên định kỳ mỗi 06 tháng. Việc đánh giá kết quả công việc là yếu tố quan trọng để xem xét lương

phù hợp với đóng góp của mỗi cá nhân.

- Thường: Thường mang tính chất tri ân dựa trên tình hình tài chính và chính sách lương thưởng của Công Ty. Hai (02) hình thức thưởng dành cho nhân viên bao gồm:
 - Thưởng Tết chi áp dụng đối với người lao động trong nước
 - Thưởng theo kết quả công việc hàng năm chỉ được xem xét khi và chỉ khi:
 - Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công Ty được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên;
 - Kết quả thực hiện kế hoạch của phòng được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên; và
 - Kết quả thực hiện công việc của cá nhân được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên
 - Giải thưởng ngôi sao hàng tháng: Ghi nhận kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong tháng, xây dựng môi trường làm việc vui vẻ, tích cực, an toàn và tiết kiệm không ngừng củng cố những giá trị cốt lõi của công ty là TÔN TRỌNG - HÀNH ĐỘNG - KẾT QUẢ. Người được tuyên dương có những thành tích liên quan đến nhưng không chỉ giới hạn trong các hoạt động của Công Ty như:
 - Có sáng kiến hoặc ý tưởng giúp mang lại hiệu quả cho công việc; tiết kiệm chi phí cho Công Ty;
 - Hoàn thành tốt các công tác hay những nhiệm vụ khó khăn, quan trọng trong khoản thời gian yêu cầu;
 - Có các thành tích nổi bật trong công tác xây dựng môi trường làm việc của Công Ty an toàn, an ninh và vệ sinh công nghiệp; và
 - Tích cực tạo dựng hình ảnh Công Ty thân thiện và có trách nhiệm với cộng đồng.
- Người được trao giải được nhận một khoản tiền không quá 2.000.000 VND cho mỗi lần được thưởng.
- Giải thưởng của Chủ tịch Tập đoàn Masan cho những cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất: Giải thưởng dành cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lao động sản xuất cũng như có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Công Ty. Các đề cử được thực hiện vào tháng 12 hàng năm và trao tặng bởi Chủ tịch Tập đoàn trong đêm Gala Tất niên hàng năm.
 - Các phúc lợi khác
 - Bữa ăn, chi phí chỗ ở và đi lại: Đối với người lao động được tuyển dụng từ các tỉnh khác để làm việc cho Dự Án Núi Pháo, họ được cung cấp bữa ăn và chi phí chỗ ở tương ứng với vị trí được giao cũng như được trợ cấp chi phí đi lại khi đang làm nhiệm vụ hoặc không làm nhiệm vụ.
 - Bảo hiểm y tế và tai nạn: Công Ty Núi Pháo mua bảo hiểm y tế 24/24 cho người lao động và người phụ thuộc.

Công đoàn, thỏa ước lao động tập thể

Công đoàn của Công Ty Núi Pháo đã được thành lập phù hợp với quy định của pháp luật. Thỏa

ước lao động tập thể của Công Ty Núi Pháo đã được gửi đến Sở Lao Động, Thương Binh Và Xã Hội ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Bản Thỏa ước gồm có 6 chương 17 điều thay cho bản Thỏa ước lao động tập thể đã ký trước đây sau khi lấy ý kiến nhân viên và hoàn thiện việc ký kết. Thỏa ước lao động tập thể cũng đã được truyền thông tới người lao động qua các buổi trao đổi của Ban chấp hành Công đoàn và Công Ty, cũng như thông báo công khai tại các bản tin, TVC, email của người lao động.

10. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

10.1. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu

Trái Phiếu được phát hành nhằm mục đích:

- (i) Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- (ii) Cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- (iii) Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn cho (các) dự án đang thực hiện và sẽ triển khai và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công Ty Núi Pháo có thể sẽ cần huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

Trong thời hạn của Trái Phiếu, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ chung không phải là nợ thứ cấp và được bảo đảm khác (dù là nghĩa vụ hiện tại hay tương lai) của Tổ Chức Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Trong thời hạn của Trái Phiếu, khi thanh lý tài sản của Tổ Chức Niêm Yết nhằm mục đích giải thể hay phá sản Tổ Chức Niêm Yết, Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và Nhà nước nhưng trước so với chủ sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết. Trong trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Niêm Yết, từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên thanh toán được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với nghĩa vụ nợ và nghĩa vụ tài chính đó.

11. Tình Hình Hoạt Động Tài Chính

11.1 Các Chỉ Tiêu Cơ Bản

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dự trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng

khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập Đoàn Masan.

Đối với các tài sản khác, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như sau: Thời gian hữu dụng ước tính là như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 - 20 năm
- Máy móc và thiết bị 3 - 15 năm
- Dụng cụ văn phòng 3 - 10 năm
- Phương tiện vận chuyển 3 - 6 năm
- Các tài sản khai thác khoáng sản khác 19 năm

11.1.2 Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên người Việt Nam của Công Ty Núi Pháo tại thời điểm 31 tháng 12 tháng 2019 là 11,8 triệu VND (mười một triệu tám trăm nghìn đồng)/người/tháng và tại thời điểm 31/03/2020 là 12,3 triệu VND (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng, nằm ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công Ty Núi Pháo đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Công Ty Núi Pháo thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Công Ty Núi Pháo thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2019 chi tiết như sau:

	1/1/2019 (triệu VND)	Số phải nộp trong năm (triệu VND)	Số đã nộp/bù trừ trong năm (triệu VND)	31/12/2019 (triệu VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	439.814	(439.814)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	197.823	(197.823)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.018	132.123	(39.134)	128.007
Thuế bảo vệ môi trường	-	93.694	(93.634)	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.646	157.771	(124.373)	63.044
Thuế tài nguyên	-	302.908	(302.908)	-
Các loại thuế khác	1.881	52.860	(52.966)	1.775

Tổng	66.545	1.376.993	(1.250.712)	192.826
-------------	---------------	------------------	--------------------	----------------

11.1.5 Trích lập các quỹ theo quy định

Năm 2018 và 2019, Công Ty Núi Pháo không thực hiện trích các quỹ nhằm ưu tiên nguồn lợi nhuận để lại vào việc đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của Công Ty. Việc trích lập các quỹ của Công Ty Núi Pháo sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên phù hợp theo các quy định hiện hành.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.467.361	7.757.284
Vay ngân hàng (i)	2.467.361	3.188.857
Vay dài hạn đến hạn trả	-	4.568.427
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.900.501	1.986.765
Vay từ bên liên quan (ii)	2.890.782	-
Trái phiếu (iii)	7.009.719	6.555.191
Nợ thuê tài chính	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(4.568.427)
Tổng	12.367.862	9.744.049

(Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2018, 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con)

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2018 (triệu VND)	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu VND)
1.	Các khoản vay bằng ngoại tệ từ các ngân hàng được đảm bảo	USD	1.658.760	1.242.672
2.	Các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng được đảm bảo	VND	808.601	1.946.185
Tổng			2.467.361	3.188.857

(ii) Chi tiết các khoản vay từ bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/12/2018 (triệu VND)	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu VND)
1.	Khoản vay ngắn hạn từ H.C.Starck GmbH	USD	-	-
2.	Khoản vay có quyền chuyển đổi thành vốn góp từ MRTN và TNTI đáo hạn năm 2020	VND	2.890.782	-
Tổng			2.890.782	-

(iii) Chi tiết các khoản trái phiếu dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể như sau:

STT	Mô tả công nợ	Khoản tiền nợ gốc (triệu VND)	Dư nợ tại 31/12/2018 (triệu VND)	Dư nợ tại 31/12/2019 (triệu VND)
1.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	8.100.000	5.600.000	3.600.000
2.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	1.000.000	1.000.000	1.000.000
3.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	500.000	500.000	500.000
4.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	500.000	-	500.000
5.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	300.000	-	300.000
6.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	200.000	-	200.000
7.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	100.000	-	100.000
8.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	190.000	-	190.000
9.	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	210.000	-	210.000

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 8.100 tỷ phát hành năm 2015**

Tổng mệnh giá phát : 8.100.000.000.000 VND
hành

Số lượng trái phiếu : 8.100

Hình thức trái phiếu : Bút toán ghi sổ

Ngày phát hành : 13/08/2015

Thời hạn trái phiếu : 5 năm

Thanh toán lãi trái phiếu : Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành

Thanh toán gốc trái : Một lần vào ngày đáo hạn

phiếu

Lãi suất

: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 8%/năm;

Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3%/năm.

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 1.000 tỷ phát hành năm 2018**

Tổng mệnh giá phát hành	: 1.000.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 10.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 05/06/2018
Thời hạn trái phiếu	: 2 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Cố định 9,5%/năm

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 500 tỷ phát hành năm 2018**

Tổng mệnh giá phát hành	: 500.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 5.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 13/08/2018
Thời hạn trái phiếu	: 5 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,25%/năm.

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 500 tỷ phát hành năm 2019**

Tổng mệnh giá phát hành	: 500.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 5.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 27/5/2019
Thời hạn trái phiếu	: 5 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10,2%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,3%/năm.

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 300 tỷ phát hành năm 2019**

Tổng mệnh giá phát hành	: 300.000.000.000 VND
-------------------------	-----------------------

Số lượng trái phiếu	: 3.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 29/5/2019
Thời hạn trái phiếu	: 3 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,1%/năm.

➤ ***Trái phiếu tổng mệnh giá 200 tỷ phát hành năm 2019***

Tổng mệnh giá phát hành	: 200.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 2.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 03/06/2019
Thời hạn trái phiếu	: 3 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,1%/năm.

➤ ***Trái phiếu tổng mệnh giá 100 tỷ phát hành năm 2019***

Tổng mệnh giá phát hành	: 100.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 1.000.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 24/09/2019
Thời hạn trái phiếu	: 3 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,1%/năm.

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 190 tỷ phát hành năm 2019**

Tổng mệnh giá phát hành	: 190.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 1.900.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 25/09/2019
Thời hạn trái phiếu	: 3 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,1%/năm.

➤ **Trái phiếu tổng mệnh giá 210 tỷ phát hành năm 2019**

Tổng mệnh giá phát hành	: 210.000.000.000 VND
Số lượng trái phiếu	: 2.100.000
Hình thức trái phiếu	: Bút toán ghi sổ
Ngày phát hành	: 31/10/2019
Thời hạn trái phiếu	: 3 năm
Thanh toán lãi trái phiếu	: Định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành
Thanh toán gốc trái phiếu	: Một lần vào ngày đáo hạn
Lãi suất	: Đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên: 10%/năm; Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 ngân hàng có tên tuổi tại Việt Nam cộng biên độ 3,1%/năm.

Tính đến thời điểm của Bản Báo Bạch này, Tổ Chức Niêm Yết không có khoản nợ nào quá hạn.

11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

(i) **Các khoản phải thu:**

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu VND	
	2018	2019
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.623.089	1.745.856
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	960.322	280.414
Trả trước cho người bán ngắn hạn	175.750	204.604

Phải thu ngắn hạn khác	487.017	260.838
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	1.000.000
Các khoản phải thu dài hạn	1.335.308	1.303.869
Phải thu dài hạn khác	1.335.308	1.303.869

(Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2018, 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con)

(ii) Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	2018	2019
Các khoản phải trả ngắn hạn	4.098.363	11.909.564
Phải trả người bán ngắn hạn	526.293	324.541
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	238.767	1.105.603
Thuế phải nộp Nhà nước	66.545	192.826
Phải trả người lao động	-	6
Chi phí phải trả ngắn hạn	692.648	654.888
Phải trả ngắn hạn khác	106.750	1.874.416
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.467.361	7.757.284
Các khoản trả dài hạn	14.386.206	5.519.568
Phải trả dài hạn khác	3.993.041	3.000.000
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	9.900.501	1.986.765
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	3.900
Dự phòng phải trả dài hạn	492.664	528.903

(Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2018, 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con)

Trong đó, khoản dự phòng phải trả dài hạn bao gồm: dự phòng phục hồi môi trường và quyền khai thác mỏ. Khoản mục này được trích lập phục vụ cho việc chi trả các chi phí sau khi mỏ khoáng sản đóng cửa và chi trả quyền được khai thác khoáng sản.

11.2 Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Chỉ tiêu	2018	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,05	0,63
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,66	0,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	77,03%	67,05%

Hệ số Nợ/ Vốn của các nhà đầu tư ²	224,34%	113,77%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	3,01	1,61
Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,29	0,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	14,06%	10,62%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân ²	15,83%	7,10%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,11%	2,00%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	15,11%	6,37%

(Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2018, 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con)

Về khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán các nghĩa vụ đến hạn của Tổ Chức Niêm Yết cuối năm 2018 được cải thiện đáng kể so với năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,71% lên 1,05% và hệ số thanh toán nhanh của Tổ Chức Niêm Yết tăng từ 0,42% lên 0,66%.

Trong năm 2019, hệ số thanh toán giảm do ảnh hưởng bởi tình hình kinh doanh tăng trưởng chậm lại và có một số khoản vay dài hạn chuẩn bị đến hạn trong năm 2020 được chuyển thành nợ ngắn hạn; tuy nhiên, Công Ty đã chuẩn bị sẵn kế hoạch huy động vốn để đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.

Về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về nợ như tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản giảm từ 77% xuống mức 67% và Nợ/Vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết cuối năm 2019 cải thiện từ mức 2,2 lần xuống chỉ còn 1,1 lần. Năm 2019, tỷ lệ Nợ trên Vốn chủ sở hữu giảm mạnh do tổng số dư nợ ngắn hạn và dài hạn giảm 21% so với thời điểm cuối năm 2018 và Tổ Chức Niêm Yết đã tăng thêm vốn chủ sở hữu, giúp ổn định và cải thiện chỉ tiêu về cơ cấu vốn.

Về năng lực hoạt động:

Tình hình kinh doanh tốt trong năm 2018 khiến chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Tổ Chức Niêm Yết tăng từ 2,84 vòng tại năm 2017 lên 3,01 vòng tại năm 2018. Tổ Chức Niêm Yết vẫn đang tiếp tục thực hiện các chính sách kiểm soát và quản lý hàng tồn kho để đảm bảo chỉ số này duy trì ở mức an toàn. Hệ số vòng quay tổng tài sản của Tổ Chức Niêm Yết được cải thiện trong năm 2018 từ 0,24 lần lên 0,29 lần. Trong năm 2019, chỉ số vòng quay hàng tồn kho và tài sản giảm về mức tương ứng 1,61 lần và 0,19 lần chủ yếu do sản lượng đồng và vonfram tồn kho tăng.

Về khả năng sinh lời:

² Lợi nhuận sau thuế và vốn của các nhà đầu tư được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát

BẢN CÁO BẠCH

Nhờ các yếu tố tích cực từ giá bán và sản lượng bán các sản phẩm của Tổ Chức Niêm Yết, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cũng được cải thiện trong 2018 như lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 15,83%, cao gấp đôi mức 7,75% của năm 2017. Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cải thiện từ mức 9,62% vào năm 2017 lên đến 15,11% tại năm 2018, và chỉ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản cải thiện hơn 4 lần từ mức 2,26% năm 2017 lên 4,32% tại năm 2018. Tại năm 2019, do ảnh hưởng giá hàng hóa trên thị trường, hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần và Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn của các nhà đầu tư sụt giảm lần lượt ở mức 10,62% và 7,10%.

12. Hội Đồng Thành Viên, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng

12.1 Hội Đồng Thành Viên

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên

Dưới đây là chi tiết về các thành viên HĐQT của Tổ Chức Niêm Yết:

Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
- Số chứng minh nhân dân: 025222887
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế, Đại Học Thương Mại Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1997: Giám đốc Công ty CP Dạ Mỹ
 - 1997 – 2002: Tổng Giám Đốc Công ty CP Việt Tiến
 - 2002 – 2008: Thành viên HĐQT – Công ty Thương Mại Masan
 - 2002 – 2009: Thành viên HĐQT của Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Masan
 - 2003 – 2005: Phó Tổng Giám Đốc – Công Ty Đầu Tư Masan
 - 2005 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Masan
 - 2007 – 01/2017: Thành viên HĐQT – Công ty CP XD số 3 Hải Phòng

BẢN CÁO BẠCH

- 11/2008 – nay: Phó Tổng Giám Đốc – Công ty CP Masan
 - 2009 – 2/2018: Chủ tịch Công ty TNHH Masan Brewery, Chủ tịch Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - 2009 – nay: Thành viên HĐQT và phó Tổng Giám Đốc – MSN
 - 2010 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Núi Pháo
 - 2011 – 2019: Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Bất Động Sản Masan
 - 2011 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Tập đoàn Baltic Titan, Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hoa Hướng Dương,
 - 2013 – nay: Thành viên HĐQT tại Masan Resources
 - 9/2014 – 8/2015: Chủ Tịch Công ty TNHH Lamka
 - 2/2015 – nay: Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
 - 2/2015 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution
 - 3/2015 – nay: Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY
 - 2/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, Công ty TNHH Masan Brewery
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT– Công ty Cổ phần Masan
 - Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT - Masan Resources
 - Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám Đốc – Công ty CP Tập đoàn Masan
 - Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Brewery
 - Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Vonfram Masan

BẢN CÁO BẠCH

	Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hoa Hướng Dương
	Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution
	Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY
	Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
	Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer
	Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery MB
	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
	Thành viên HĐQT – Công ty CP Tập đoàn Baltic Titan
• Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Niêm Yết:	Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Niêm Yết:	Không
• Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết:	Không
• Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Niêm Yết của bản thân và những người có liên quan:	Không
• Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Ông Nguyễn Văn Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT	
• Giới tính:	Nam
• Ngày tháng năm sinh:	14/9/1957
• Số Chứng minh nhân dân	090470619
• Quốc tịch:	Việt Nam
• Quá trình công tác:	1993 – 2004: Giám đốc Chi nhánh Geleximco Thái Nguyên và Chi nhánh Geleximco Tuyên Quang - Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco) 2005 – 2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nuiphaovica)

-
- 2006 – 2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACORP)
 - 2007 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD)
 - 2007 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh
 - 2007 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan
 - 2010 – 2016: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh
 - 2010 – 2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp An Khánh
 - 3/2013 – nay: Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
 - 2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Núi Pháo;
 - 2014 – nay: Chủ tịch HĐQT – MTC
 - 2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh
 - Tháng 4/2016 – nay: Thành viên HĐQT – Masan Resources
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Phó Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT – Masan Resources
 - Chủ tịch HĐQT – MTC
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD)
 - Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh
 - Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
 - Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Niêm Yết: Không

BẢN CÁO BẠCH

-
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Niêm Yết: Không
 - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không
 - Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Niêm Yết của bản thân và những người có liên quan: Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

Ông Craig Richard Bradshaw – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/9/1971
- Số Hộ chiếu: PE0407775
- Quốc tịch: Australia
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh doanh, Đại học Southern Queensland, Úc
- Quá trình công tác:
 - Trước 2011: Tổng Giám đốc Toàn quốc - Toll tại Thái Lan; Giám Đốc Thương Mại Cao Cấp - Lane Xang Minerals Ltd
 - 2011 – 2015: Giám Đốc Vận Hành - Công Ty Núi Pháo
 - Tháng 5/2015 – nay: Tổng Giám Đốc - Công Ty Núi Pháo
 - Từ 8/2017 – nay: Tổng Giám Đốc - Masan Resources
 - Từ 8/2018 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc – MTC
 - Từ 4/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc – Masan Resources
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Masan Resources
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc MTC
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Niêm Yết: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Niêm Yết: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không

BẢN CÁO BẠCH

• Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Niêm Yết của bản thân và những người có liên quan:	Không
• Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Ông Danny Le – Thành viên HĐQT	
• Giới tính:	Nam
• Ngày tháng năm sinh:	13/7/1984
• Số hộ chiếu:	565709439
• Quốc tịch:	Mỹ
• Trình độ chuyên môn:	Cử Nhân, Đại học Bowdoin
• Quá trình công tác:	2006 – 2010: Morgan Stanley - Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư 2010 – nay: Masan Group - Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển
• Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết:	Thành viên HĐQT
• Chức vụ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT - Masan Resources Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan Blue Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Brewery 900 Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam Thành viên HĐQT - Công ty TNHH The Sherpa Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần The CrownX
• Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Niêm Yết:	Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Niêm Yết:	Không

BẢN CÁO BẠCH

- | | |
|--|-------|
| • Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: | Không |
| • Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Niêm Yết của bản thân và những người có liên quan: | Không |
| • Thù lao và các khoản lợi ích khác: | Không |

12.2 Ban Giám Đốc Và Kế Toán Trưởng

Họ tên	Chức danh
Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Kế Toán Trưởng

Dưới đây là chi tiết về các thành viên trong Ban Giám Đốc và Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Niêm Yết:

Ông Craig Richard Bradshaw – Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐQTV.

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai – Kế Toán Trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1974
- Số Chứng minh nhân dân : 011670372
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – ĐH Kinh tế Quốc Dân
Chứng chỉ Kiểm toán viên – Bộ Tài chính
- Quá trình công tác : 9/1995 – 10/2005: Kiểm toán viên, Trưởng nhóm, Giám sát kiểm toán, Phó Giám đốc Kiểm toán – Công ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công ty TNHH KPMG Việt Nam
11/2005 – 4/2018: Kế Toán Trưởng – Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc;
7/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – MRTN, Công ty Núi Pháo. MTC và Masan Resources
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty Núi Pháo : Kế Toán Trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế Toán Trưởng tại Masan Resources, MRTN và MTC

BẢN CÁO BẠCH

- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức : Không Niêm Yết
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Niêm Yết : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức : Không Niêm Yết
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Niêm Yết của bản thân và những người có liên quan : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

13. Tài Sản

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản cố định hữu hình	13.813.236	12.341.451
Nhà cửa và vật kiến trúc	3.921.015	3.884.793
Máy móc và thiết bị	9.864.552	8.366.701
Dụng cụ văn phòng	5.368	3.967
Phương tiện vận chuyển	7.009	4.584
Các tài sản khai khoáng khác	15.292	81.406
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-
Tài sản cố định vô hình	499.851	465.482
Phần mềm	39.050	35.232
Quyền khai khoáng	460.801	430.250

(Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2018, 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con)

Bảng dưới đây thể hiện các tài sản là nhà máy và quyền sử dụng đất thuộc mỏ Núi Pháo:

Nhà Máy & Mỏ

Loại	Vị trí	Diện tích (m ²)	Diện tích đã có hợp đồng thuê đất (m ²)
Nhà máy	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	357.455	284.621
Mỏ	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	6.420.920	5.644.125

BẢN CÁO BẠCH

Tổng cộng	6.778.375	5.928.746
------------------	------------------	------------------

Ghi chú: Nhà máy bao gồm các trang thiết bị hỗ trợ. Mô bao gồm khu vực chứa đuôi quặng và vùng đệm.

Quyền sử dụng đất

Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	6.778.375	2028 & 2034
Tổng cộng	6.778.375	

14. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh Và Chỉ Tiêu Lợi Nhuận Năm Tiếp Theo Của Công Ty Núi Pháo Trên Cơ Sở Hợp Nhất

14.1 Kế Hoạch Lợi Nhuận

Đơn vị: tỷ VND

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020	2019	% TĂNG/ (GIAM)
1.	Doanh thu thuần	8.000 đến 9.000	4.706	70% đến 91,2%
2.	Lợi nhuận sau thuế	200 đến 500	500	(60%) đến 0%
3.	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	2,2% đến 6,25%	10,62%	(79,3%) đến (41,15%)
4.	Tỷ lệ LNST/vốn chủ sở hữu bình quân	2,3% đến 5,67%	7,10%	(67,6%) đến (20,14%)

(Nguồn: Công Ty)

14.2 Căn Cứ Để Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Nêu Trên

Kế hoạch hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh

Với diễn biến phức tạp đang diễn ra của đại dịch COVID-19, các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty cũng có phần bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công Ty đã và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp ứng phó với các bất ổn kinh tế trong nước và thế giới, đề ra các chiến lược ngắn hạn tùy theo diễn biến của đại dịch. Chúng tôi tin tưởng là cơ hội chuyển tài sản thành tiền mặt đối với sản phẩm đồng tồn kho của Công Ty sau khi có được giấy phép xuất khẩu đồng và thương vụ mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C. Stark Group GmbH (HCS) sẽ giúp Công Ty vượt qua bất kỳ khó khăn ngắn hạn nào trên thị trường mà Công Ty đang hoạt động.

Nằm trong kế hoạch chiến lược 5 năm, MSR đã công bố việc mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của HCS, thương vụ này đã hoàn tất trong tháng 6 năm 2020. Ban điều hành tiếp tục thực hiện mở rộng kinh doanh chế biến sâu, một mảng có giá trị cao và ít xảy ra biến động về doanh thu hơn nhiều so với thị trường sản phẩm trung gian và thị trường oxit kim loại mà Công Ty đang hoạt động. Việc mua lại HCS là bước đi tiếp theo trong việc thực hiện chiến lược trong những năm qua và sẽ giúp Công Ty tăng đáng kể tính linh động. Trong thị trường hiện tại, việc hoàn tất thương vụ mua lại sẽ cho phép Công Ty linh hoạt hơn đối với các dòng sản phẩm của Công Ty và có khả năng cải thiện biên lợi nhuận khi các sản phẩm được thông qua HCS để chế biến sâu.

Kế hoạch đầu tư

BẢN CÁO BẠCH

Các khoản đầu tư theo kế hoạch trong năm 2020 dự kiến vào khoảng 2.400 đến 2.500 tỷ VND, bao gồm đầu tư vào nền tảng kinh doanh Vonfram của HCS và các tài sản cố định, hoạt động mỏ và địa chất khác.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Tổ Chức Niêm Yết đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ trong tháng 07 năm 2019.

15. Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết Về Kế Hoạch Lợi Nhuận

Về kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết

Kế hoạch lợi nhuận của Tổ Chức Niêm Yết được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế nói chung, các rủi ro dự đoán cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết. Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động kinh doanh mà Tổ Chức Niêm Yết đã đạt được trong việc sản xuất và kinh doanh khoáng sản, đặc biệt là vonfram qua các năm, kế hoạch mở rộng và phát triển cũng như tình hình tài chính khả quan của Tổ Chức Niêm Yết. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2020 như đã đề ra ở mục trên của Tổ Chức Niêm Yết là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Tổ Chức Niêm Yết dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của mình để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà Nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu. Việc mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH tại MTC để sở hữu toàn bộ công nghệ chế biến tiên tiến, cùng với việc mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C.Starck Group GmbH đã hoàn tất trong Quý 2 năm 2020 cho phép Tổ Chức Niêm Yết mở rộng danh mục sản phẩm, mạng lưới khách hàng và vươn ra các thị trường toàn cầu; và việc được cấp giấy phép xuất khẩu đồng trong năm 2020 dự kiến sẽ mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Tổ Chức Niêm Yết, ảnh hưởng tích cực đến doanh thu, sự chủ động trong việc điều chỉnh đơn giá bán cho các đối tác trên thị trường và việc hợp nhất lợi nhuận. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết.

16. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Niêm Yết

16.1 Công tác đền bù giải phóng mặt bằng

Đến hết Quý I năm 2020, Công Ty Núi Pháo về cơ bản đã đền bù và giải phóng mặt bằng cho hầu hết các diện tích đất phục vụ cho hoạt động khai thác chế biến và chế biến khoáng sản, và ký 68 hợp đồng thuê đất đối với 592 ha trên tổng diện tích 631 ha đất được Nhà nước giao để thực hiện

BẢN CÁO BẠCH

dự án. Tổ Chức Niêm Yết sẽ phối hợp với ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất đối với các diện tích còn lại trong năm 2020.

16.2 Tình Hình Thanh Tra Của BTNMT

Trong năm 2017, BTNMT đã hoàn tất cuộc thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với Tổ Chức Niêm Yết và theo đó đã ban hành bản kết luận thanh tra. Bản kết luận thanh tra này đã chỉ ra một số điểm cần khắc phục liên quan đến những vấn đề thanh tra nêu trên và đưa ra một số yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Tổ Chức Niêm Yết. Ngoài khoản phạt vi phạm hành chính không trọng yếu, Tổ Chức Niêm Yết không bị áp dụng hình thức xử phạt nào khác liên quan đến môi trường.

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Niêm Yết đã thực hiện hầu hết các biện pháp khắc phục theo khuyến nghị của bản Kết luận Thanh tra. Kết quả thực hiện các yêu cầu của Kết luận Thanh tra đã được Tổ Chức Niêm Yết báo cáo thường xuyên đến Tổng cục Môi trường – Bộ TNMT để được hướng dẫn và giám sát. Chấp thuận cuối cùng về việc hoàn thành các biện pháp khắc phục phụ thuộc vào quá trình làm việc, trao đổi cũng như sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan, vì vậy Tổ Chức Niêm Yết chưa có ước tính đáng tin cậy về ảnh hưởng tài chính của việc thực hiện các biện pháp khắc phục. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong BCTC của Tổ Chức Niêm Yết.

16.3 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Niêm Yết có 9 trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán bao gồm chi tiết như bên dưới:

STT	Mô tả trái phiếu	Dư nợ (triệu VND)
1	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	3.600.000
2	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	1.000.000
3	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	500.000
4	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	500.000
5	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	300.000
6	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	200.000
7	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	100.000
8	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	190.000
9	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	210.000

17. Các Thông Tin, Các Tranh Chấp KIỆN TỤNG Liên Quan Tới Công Ty Có Thể Ảnh Hưởng Đến Giá Trái Phiếu Chào Bán (Nếu Có)

Không có.

BẢN CÁO BẠCH

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. **Loại Trái Phiếu:** Các Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
2. **Ngày Phát Hành:** 27/5/2019
3. **Ngày Đáo Hạn:** 27/5/2022
4. **Thời Hạn Trái Phiếu:** 05 (năm) năm
5. **Mục Đích Phát Hành:** Trái phiếu được phát hành nhằm mục đích:
 - (iv) Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (v) Cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (vi) Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
6. **Mệnh Giá:** 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng Việt Nam)
7. **Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:** 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu (chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành)
8. **Lãi suất:**

Lãi suất áp dụng chung cho tất cả Các Trái Phiếu là:

- (i) Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và
 - (ii) Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Tổng của 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
9. **Kỳ Trả Lãi:** Lãi sẽ được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.
 10. **Số Lượng Trái Phiếu Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng Theo Quy Định Của Pháp Luật Hoạch Của Tổ Chức Niêm Yết:** Không có
 11. **Xếp Hạng Tín Nhiệm:** Không có
 12. **Tính Giá Trái Phiếu**

Trái Phiếu NPM052024 là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm, trả lãi định kỳ và có lãi suất cố định kết hợp lãi suất thả nổi. Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

BẢN CÁO BẠCH

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

- Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu
 FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
 CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i
 n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
 k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
4. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
5. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 đồng/Trái Phiếu;
Ngày phát hành:	27/5/2019;
Ngày đáo hạn (Maturity)	27/5/2022;
Kỳ hạn	05 năm
Kỳ trả lãi (Frequency):	6 tháng/lần; (vào các ngày 27/5 và 27/10 hàng năm)
Lãi suất (CPN):	(i) Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và (ii) Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Tổng của 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và

BẢN CÁO BẠCH

Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Ngày định giá (ngày niêm yết)	22/07/2020
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	4 kỳ vào các ngày 27/10/2020, 27/05/2021, 27/10/2021, 27/05/2022, 27/10/2022, 27/05/2023, 27/10/2023, 27/05/2024
Lãi coupon đã xác định	10,2% cho các kỳ 27/5/2019 và 27/10/2019
Lãi coupon chưa xác định	Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Giả sử lãi suất áp dụng là 10,75%
Lợi suất yêu cầu ³ hay Lãi suất chiết khấu (k)	Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 05 năm là khoảng 1,85% (Nguồn: https://owa.hnx.vn/ftp//THONGKEGIAODICH//20200605/TP/20200605_TP_Thong_ke_bien_dong_loi_suat.pdf .) Theo thông lệ quốc tế, mức biên chênh lệch giữa trái phiếu doanh nghiệp có Rating nhóm B (ngành sản xuất) với lợi suất trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn ~5,15% (Nguồn: http://pages.stern.nyu.edu/~adamodar/New_Home_Page/datafile/ratings.htm) Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 7% năm Actual/365
Cơ sở tính ngày	

Với các đặc điểm trên, tại ngày niêm yết 22/07/2020, giá dự kiến của Trái Phiếu là:

Ngày	27/10/2020	27/05/2021	27/10/2021	27/05/2022	27/10/2022	27/05/2023	27/10/2023	27/05/2024
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8
Lãi suất coupon (CPN)	10,2%	10,75%	10,75%	10,75%	10,75%	10,75%	10,75%	10,75%
Dòng tiền lãi $CF(i)=CPN \times \text{số ngày thực tế của kỳ tính lãi}/365$	14504	6244	4506	6244	4506	6244	4506	6273
Gốc trái phiếu (Redemption)								100000
Số ngày nắm giữ	97	309	462	674	827	1039	1192	1405
LS chiết khấu	7	7	7	7	7	7	7	7

*) Số ngày nắm giữ được xác định kể từ và bao gồm ngày nhà đầu tư sở hữu Trái Phiếu cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và/hoặc gốc.

³ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

BẢN CÁO BẠCH

$$FV = \frac{14504}{(1+7)^{97/3}} + \frac{6244}{(1+7)^{309/3}} + \frac{4506}{(1+7)^{462/3}} + \frac{6244}{(1+7)^{674/3}} + \frac{4506}{(1+7)^{827/3}} + \frac{6244}{(1+7)^{1039/3}} + \frac{4506}{(1+7)^{1192/3}} + \frac{6273}{(1+7)^{1405/3}} = 124.323 \text{ VND}$$

13. Tính Lợi Suất Đáo Hạn:

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 27/05/2019;
- Ngày đáo hạn: 27/05/2022;
- Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần;
- Lãi suất:
 - (i) Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và
 - (ii) Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Tổng của 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
- Ngày giao dịch dự kiến: 22/07/2020
- Giá giao dịch dự kiến: 124.323 VND

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 06/08/2020 với giá 117.508 VND và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$V = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

BẢN CÁO BẠCH

Ngày	27/10/2020	27/05/2021	27/10/2021	27/05/2022	27/10/2022	27/05/2023	27/10/2023	27/05/2024
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8
Lãi suất coupon (CPN)	10.2%	10.75%	10.75%	10.75%	10.75%	10.75%	10.75%	10.75%
Dòng tiền lãi CF(i)=CPN*số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	14504	6244	4506	6244	4506	6244	4506	6273
Gốc trái phiếu (Redemption)								100000
Số ngày năm giữ	97	309	462	674	827	1039	1192	1405

$$124.323 = \frac{14504}{(1+k)^{97/365}} + \frac{6244}{(1+k)^{309/365}} + \frac{4506}{(1+k)^{462/365}} + \frac{6244}{(1+k)^{674/365}} + \frac{4506}{(1+k)^{827/365}} + \frac{6244}{(1+k)^{1039/365}} + \frac{4506}{(1+k)^{1192/365}} + \frac{6273}{(1+k)^{1405/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 6,95\%/năm$

14. Phương Thức Thực Hiện Quyền:

14.1 Lãi Trái Phiếu

- (i) Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“Lãi Suất”) như sau:
- đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và
 - đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm.

Theo đó,

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, (i) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân để tính Lãi Suất Tham Chiếu nêu trên là lãi suất áp dụng chung (mà không chỉ áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể) và (ii) trong trường hợp đặc biệt khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được hoặc không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo quy định có liên quan của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 3 (ba) sau dấu phẩy (nếu không phải là số nguyên), và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

BẢN CÁO BẠCH

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- (ii) Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- (iii) Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
 - đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

- (iv) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Mục (vii).
- (v) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Niêm Yết sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Mục (vi) bên dưới, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (vi) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Niêm Yết sẽ thanh toán lãi trên tiền gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- (vii) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Niêm Yết phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Mục (i). Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán

BẢN CÁO BẠCH

nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Mục (i) thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (a) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Niêm Yết có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (b) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi chậm trả trong bất kỳ trường hợp nào.

- (viii) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (ix) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó.

14.2 Thanh Toán Gốc và Lãi Trái Phiếu

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký. Chi tiết về việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 8 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

14.3 Mua Lại Trái Phiếu

Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Niêm Yết sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Niêm Yết phải mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Mua Lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Niêm Yết có thể mua lại Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

BẢN CÁO BẠCH

Tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Lý Trái Phiếu trước 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu và ngày mua lại dự kiến. Để làm rõ, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành.

Mua Lại Trái Phiếu Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

Trong trường hợp Tổ Chức Niêm Yết không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Tổ Chức Niêm Yết sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Niêm Yết, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.

Trái Phiếu được Tổ Chức Niêm Yết mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liền trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Niêm Yết theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

Ngoài những quy định trên đây, nhà đầu tư Trái Phiếu được thực hiện các quyền khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

15. Đánh Giá Tác Động Của Tình Hình Lạm Phát Đối Với Trái Phiếu Niêm Yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Nhận thức rõ vai trò của lạm phát, trong những năm gần đây, Chính phủ đã xác định mức cụ thể và coi lạm phát hàng năm là một chỉ tiêu phải được kiểm soát một cách chặt chẽ bên cạnh các chỉ tiêu kinh tế quan trọng khác. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần nhất và cũng dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát tháng 12 năm 2019 tăng 5,23% so với tháng 12 năm 2018, nằm trong mức kiểm soát 4% - 5% của Chính phủ. Một số nguyên nhân chính dẫn đến việc tăng lạm phát bao gồm việc điều chỉnh giá điện sinh hoạt theo Quyết định của Bộ Công Thương, giá thịt lợn tăng mạnh trong những tháng cuối năm (bình quân tăng 11,79% trong năm 2019) góp phần vào mức tăng 5,08% của lạm phát toàn nhóm hàng thực phẩm, ...

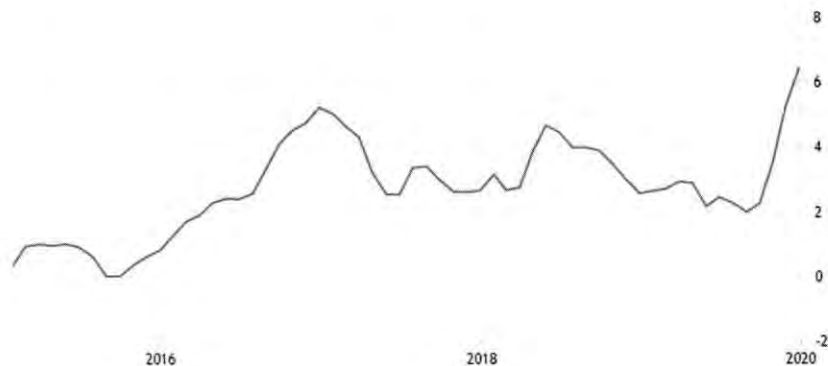
Dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ thời điểm đầu năm 2020 đã gây ra những phản ứng trái chiều lên lạm phát của các nhóm hàng. Trong đó, dịch bệnh đã tác động làm tăng giá một số nhóm hàng như giá rau nội địa do rau, quả Trung Quốc không xuất được sang Việt Nam, giá các mặt hàng thuốc y tế, điện sinh hoạt và nước sinh hoạt cũng tăng cao (lần lượt được ghi nhận đạt 1,43%, 9,89% và 4,75% trong quý 1 năm 2020) do chủ trương tự cách ly tại nhà của nhà nước. Ở chiều ngược lại,

BẢN CÁO BẠCH

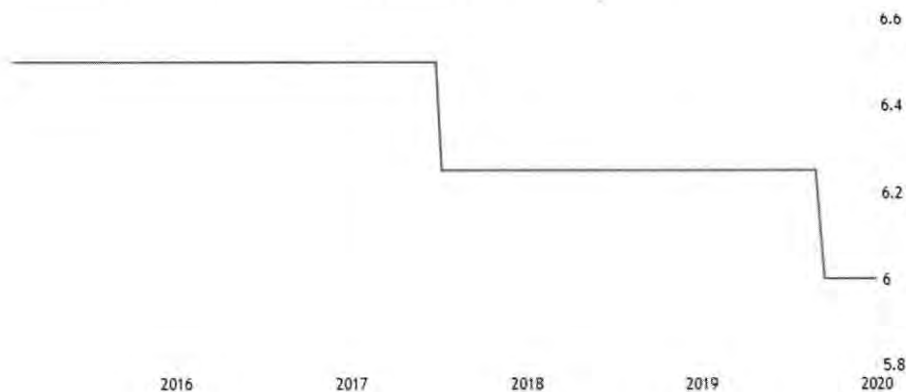
dịch bệnh đã khiến nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm mạnh, góp phần vào mức giảm 1,74% của nhóm du lịch trong quý 1 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước, đồng thời cũng gây áp lực lên giá cước vận tải của các phương tiện giao thông. Nhìn chung, lạm phát quý 1 năm 2020 vẫn nằm trong tầm kiểm soát (tăng 0,34% so với thời điểm cuối năm 2019) nhờ vào các biện pháp tích cực ổn định thị trường của các cấp, các ngành để ngăn chặn ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã góp phần gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Diễn biến lạm phát giai đoạn từ năm 2015 đến 2020



Diễn biến lãi suất giai đoạn từ năm 2015 đến 2020



(Nguồn: Tradingeconomics.com, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm

BẢN CÁO BẠCH

giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

16. Cam Kết Về Tỷ Lệ Đảm Bảo:

Nghĩa vụ thanh toán của Trái Phiếu được đảm bảo bằng 50.525.465 cổ phần của Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (Mã UPCoM: MSR) thuộc sở hữu của Masan Horizon, được tạo lập theo Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần số 04/2019/HĐBĐ/MH-TCBS ngày 24/5/2019 giữa Masan Horizon và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Trong suốt kỳ hạn của Trái phiếu: Giá trị của các cổ phần thế chấp tại bất kỳ thời điểm nào phải đạt tối thiểu bằng 150% tổng mệnh giá của các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.

17. Giới Hạn Về Tỷ Lệ Nắm Giữ Đối Với Người Nước Ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành)

Theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

18. Các Loại Thuế Có Liên Quan:

18.1 Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là **Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**).
- (ii) Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ

BẢN CÁO BẠCH

- Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; và
 - (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

18.2 Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều

BẢN CÁO BẠCH

của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và

- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ vào các văn bản trên:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

Theo quy định pháp luật về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì là đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Theo quy định về thuế nhà thầu thì thu nhập từ lãi tiền vay là thu nhập của bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín phiếu kho bạc; thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi. Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức/cá nhân nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế nhà thầu. Tỷ lệ (%) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay (lãi trái phiếu) là 5%.

BẢN CÁO BẠCH

Ngoài ra, trường hợp tổ chức/cá nhân nước ngoài chuyển nhượng trái phiếu thì áp dụng thuế tỷ lệ (%) thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Niêm Yết sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Tổ Chức Niêm Yết có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Niêm Yết tin rằng làm như vậy theo đúng quy định của pháp luật. Tổ Chức Niêm Yết không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư trái phiếu tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

18.3 Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- (ii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế. Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;
- (iii) Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

BẢN CÁO BẠCH

- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

Theo quy định trên, hoạt động chuyên nhượng chứng khoán và lãi cho vay không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Theo đó, chuyển nhượng trái phiếu và lãi trái phiếu sẽ không chịu thuế GTGT.

Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu sau Ngày Phát Hành thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

BẢN CÁO BẠCH

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa chỉ : Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Số fax : (84-208) 3824 063
Số điện thoại : (84-208) 3824 063
Website : www.masangroup.com/masanresources/npmc

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng,
Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
Số điện thoại : (84-4) 3946 1600
Website : <https://home.kpmg.com>

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu,
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

4. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu,
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

5. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁP LÝ: CÔNG TY LUẬT TNHH YKVN

Địa chỉ : Phòng 401, Tòa nhà International Center, 17 Ngô Quyền, Quận
Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3934 5410
Số điện thoại : (84-24) 3934 5412
Website : www.ykvn-law.com

BẢN CÁO BẠCH

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II** : Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết;
3. **Phụ lục III** :
 - BCTC được kiểm toán năm 2018, và năm 2019 của Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con;
 - Ủy quyền kí kiểm toán BCTC;
4. **Phụ lục IV** : Giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Tổ Chức Niêm Yết ngày 21/09/2010;
5. **Phụ lục V** : Bản sao Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
6. **Phụ lục VI** : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan tới Tổ Chức Niêm Yết;
7. **Phụ lục VII** : Ủy quyền kí hồ sơ của TCNY;
8. **Phụ lục VIII** : Ủy quyền kí hồ sơ của TCBS.
9. **Phụ lục IX** : Quyết định Niêm yết TP của Tổng Giám Đốc Tổ Chức Niêm Yết, kèm Nghị Quyết số 05/2019/NQ-HĐTV.

Được lập tại tỉnh Thái Nguyên, ngày 21 tháng 07 năm 2020

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Thiệu Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Craig Richard Bradshaw



Nguyễn Thị Thanh Mai

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



Nguyễn Thị Thu Hiền

Phụ lục VI

Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan tới Tổ Chức Niêm Yết

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản;
- Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định Số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;
- Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 29/11/2012 quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
- Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 47/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 05/11/2015 ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật của 12 hạng mục công việc trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 53/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 09/09/2014 quy định nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào bảo tàng địa chất;
- Thông tư số 190/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 06/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

